

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2023/DS-ST.

Ngày: 25 - 4 - 2023.

V/v: “*Tranh chấp về chia tài sản
chung và chia thừa kế tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Đề;
2. Ông Đỗ Việt Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu*** tham gia phiên tòa:
Bà Quách Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2022/TLST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST – DS, ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cụ Vũ Thị S, sinh năm: 1933; địa chỉ: Xóm 6, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của cụ S: Ông Mai Vũ T, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 6, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (văn bản ủy quyền ngày 01/12/2022);

Bị đơn: Bà Mai Thị D, sinh năm: 1963; địa chỉ: Xóm 6, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Mai Thị D1, sinh năm: 1958; địa chỉ: Tổ dân phố số 1, xã Cô Tô, huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của bà D1: Ông Mai Vũ T, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 6, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (văn bản ủy quyền ngày 13/02/2023);

2. Bà Mai Thị A, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm 4, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

3. Bà Mai Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 3, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

4. Ông Mai S, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 6, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Ông Mai Vũ T, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 6, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (văn bản ủy quyền ngày 15/02/2023);

5. Ông Mai Vũ T, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 6, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Ông T, bà T có mặt; Cụ S, bà D, bà A, bà D1, ông S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2022, lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2023 nguyên đơn Cụ Vũ Thị S; người đại diện theo ủy quyền của cụ S là ông Mai Vũ T tại phiên tòa trình bày:*

Cụ Vũ Thị S và cụ Mai Viết L sinh năm 1927 (chết 2014) là vợ chồng. Hai cụ sinh được 06 người con gồm: Mai Thị D1, Mai Thị T, Mai Thị A, Mai Thị D, Mai S và Mai Vũ T; các cụ không có con nuôi, con riêng. Bố mẹ cụ L đều chết trước cụ L. Quá trình chung sống có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12 xã H.L có diện tích 705m² (trong đó: có 290m² ONT; 250m² CLN và 165m² NTS) và 647m² đất lúa tại thửa 3/2, tờ bản đồ số 4 xã H.L. Và 260m² đất hai lúa tại thửa 147 tờ bản đồ số 12 đứng tên hộ cụ Mai Viết L.

Khi cụ L còn sống hai cụ đã tặng cho bà Mai Thị A 45m² đất CLN; ông Mai Văn T 30m² ONT và 104m² CLN; ông Mai Văn S 103m² đất ONT và 50m² đất CLN, 80m² đất NTS. Còn lại 293m². Năm 2019 sau khi cụ L chết, cụ S cùng tất cả các con trong gia đình đã thống nhất cắt cho bà T 2m chiều rộng mặt đường chiều dài hết thổ có diện tích 57m², cắt cho bà D1 59m². Do diện tích đất

bà T được cho nhỏ nên bà T mượn đất bà D1 xây nhà sử dụng. Nay bà D1 không nhận phần đất gia đình hợp cho mà nhất trí đưa vào chia thừa kế tài sản. Nay gia đình không thống nhất được vấn đề chia tài sản nên cụ S đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng và chia thừa kế tài sản của cụ Mai Viết L để lại theo quy định pháp luật.

Về đất hai lúa, cụ S có ý kiến là để cho ông Mai Vũ T và ông Mai S được quyền sử dụng toàn bộ đất hai lúa, cụ không yêu cầu giải quyết.

Về nhận kỷ phần thừa kế cụ S xin nhận bằng hiện vật và theo quy định pháp luật và có trách nhiệm thanh toán chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

** Bị đơn là bà Mai Thị D tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2022 trình bày:*

Công nhận lời khai của cụ S về mối quan hệ gia đình, bố mẹ anh chị em và khối tài sản cụ L để lại là đúng. Nay cụ S yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của cụ L để lại theo quy định pháp luật, bà D đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật và đề nghị được nhận đất khi chia thừa kế tài sản của cụ L. Về đất hai lúa, bà D không có ý kiến tranh chấp, nhất trí để cho ông Mai Vũ T và ông Mai S được quyền sử dụng toàn bộ đất hai lúa, bà không yêu cầu tòa án giải quyết quyền lợi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thị D1, người đại diện theo ủy quyền của bà D1 là ông Mai Vũ T trong quá trình tố tụng trình bày:*

Công nhận lời khai của cụ S, về mối quan hệ gia đình, bố mẹ anh chị em và khối tài sản cụ L để lại là đúng. Nay cụ S yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của cụ L để lại theo luật, bà D1 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật và đề nghị được nhận đất khi chia thừa kế tài sản của cụ L. Bà D1 khai nhận Sau khi cụ L chết, cụ S là mẹ đẻ bà và các anh chị em trong gia đình có hợp bản thống nhất cho bà diện tích 59m² đất chiều rộng mặt đường 2m chiều dài hết thổ liên kê đất cho bà T, nay bà đề nghị Tòa án đưa vào chia di sản thừa kế theo luật.

Về đất hai lúa, bà D1 đồng ý để cho ông Mai Vũ T và ông Mai S được quyền sử dụng toàn bộ đất hai lúa mà không phải thanh toán giá trị cho bà.

** Tại bản tự khai ngày 13/02/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thị A trình bày:*

Công nhận lời khai của cụ S, về mối quan hệ gia đình, bố mẹ anh chị em và khối tài sản cụ L để lại là đúng. Nay cụ S yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của cụ L để lại theo luật, bà A đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Năm 2014 cụ L chết, sau khi cụ L chết thì gia đình có

tìm thấy 01 bản di chúc của cụ L nhờ cháu nội là con gái ông Mai S là Mai Thị Mỹ viết hộ vì cụ L bị hỏng mắt không viết được với nội dung là để lại 06m làm nhà thờ tổ để các con có chỗ đi về, còn lại không ai được bán. Mọi người đã đưa giấy này cho ông S quản lý, nhưng sau đó ông S đã làm mất giấy. Khi cụ L còn sống, bà A có đưa cho bố mẹ 40.000.000đồng (không nhớ năm nào) để trả công nợ và bố mẹ bà đã cắt giao cho bà 06m đất chiều rộng (chiều bờ sông), chiều dài hết thổ đất để bà sử dụng. Diện tích đất bố mẹ cắt cho bà là 262m² đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Cùng thời điểm cho đất bà, bố mẹ bà còn cắt cho ông S và ông T mỗi người 06m đất chiều rộng (chiều cạnh giáp bờ sông), chiều dài hết thổ đất, ông S ông T đã sử dụng đất xây nhà ở như hiện nay và đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà A nhất trí với yêu cầu khởi kiện của cụ S về chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản theo quy định của pháp luật. Bà A xin nhận ký phần thừa kế bằng hiện vật và nhất trí để ông S và ông T sử dụng toàn bộ đất hai lúa của bố mẹ mà không phải thanh toán tiền cho bà.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: ông Mai Vũ T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Mai S lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày :*

Công nhận lời khai của cụ S, về mối quan hệ gia đình, bố mẹ anh chị em và khối tài sản cụ L để lại là đúng. Nay cụ S yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của cụ L để lại theo luật, ông S đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật và đề nghị khi Tòa án chia thừa kế tài sản của cụ L để lại, ký phần thừa kế được ông được hưởng ông nhận đất hoặc nhận giá trị đều được. Ông S, ông T khai nhận sau khi cụ L chết cụ S là mẹ đẻ ông và các anh chị em trong gia đình có họp bàn thống nhất chia cho bà T diện tích 57m² đất có chiều rộng (chiều mặt đường) dài 2m, chiều dài hết thổ đất và cũng cho bà D1 chiều rộng (chiều mặt đường) dài 2m, chiều dài hết thổ đất. Hiện nay bà T đã xây công trình trên đất chia cho bà T và bà D1. Nay ông S nhất trí với yêu cầu của cụ S và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với đất hai lúa, ông S, ông T mong muốn được sử dụng mỗi người một nửa diện tích mà không phải thanh toán tiền cho các đồng thừa kế khác, phần đất ông S, ông T nhận sử dụng là vị trí mà hiện nay đang trồng cây.

** Tại bản tự khai ngày 13/02/2023, các lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thị T trình bày:*

Công nhận lời khai của cụ S về mối quan hệ gia đình, bố mẹ anh chị em và khối tài sản cụ L để lại là đúng. Nay cụ S yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của cụ L để lại theo luật, bà T đề nghị Tòa án công nhận cho bà được quyền sử dụng đất diện tích đất 57m² được các đồng thừa kế khác thống

nhất tặng cho năm 2019 và bà đã xây nhà trên phần đất được tặng cho, phần đất này hiện nay vẫn đứng tên hộ ông Mai Viết L và bà T đề nghị khi Tòa án chia thừa kế tài sản của cụ L để lại, bà T xin được nhận bằng hiện vật cạnh phần đất bà được cụ S và gia đình tặng cho vì phần đất này bà đã xây nhà, nếu thiếu bà xin thanh toán chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Đối với đất hai lúa, bà T nhất trí để ông T và ông S sử dụng toàn bộ mà không yêu cầu 2 người này phải thanh toán giá trị.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án về việc tuân theo pháp luật đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại điều 26, Điều 48, Điều 93, Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 222, 237, 238, 239, 264 BLTTDS. Từ khi thụ lý đến nay các đương sự cơ bản đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự tại các điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 66 của Luật Hôn nhân gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cụ Vũ Thị S về việc phân chia tài sản chung vợ chồng và chia thừa kế tài sản của cụ Mai Viết L theo quy định của pháp luật.

- Chia tài sản chung của vợ chồng ông Mai Viết L và Cụ Vũ Thị S:

Chia cho Cụ Vũ Thị S và cụ Mai Viết L mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất tương đương 118m², trị giá 141.600.000đồng.

Chia thừa kế tài sản của cụ L: Cụ L chết không để lại di chúc nên 118m² của cụ L trị giá 141.600.000đồng chia làm 7 phần bằng nhau cho: Cụ Vũ Thị S, ông Mai S, ông Mai Vũ T, bà Mai Thị D, bà Mai Thị A, bà Mai Thị D1, bà Mai Thị T, mỗi kỹ phần được hưởng là 16.857m² tương đương trị giá 20.228.571đ (hai mươi triệu hai trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một đồng);

Về chia hiện vật: Chia Cụ Vũ Thị S được quyền sử dụng 59m² đất và có trách nhiệm thanh toán cho: bà Mai Thị D1, ông Mai Vũ T mỗi người số tiền là trị giá 20.228.571đ (hai mươi triệu hai trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy

mười một đồng); ông Mai S số tiền 10.114.285 đồng(mười triệu một trăm mười bốn nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng).

Hiện bà Mai Thị T đang quản lý sử dụng và xây dựng nhà kiên cố trên phần diện tích đất 59m² tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12 xã H.L đứng tên hộ cụ Mai Viết L vượt quá kỹ phần được hưởng thừa kế là 42,143m² nên chia cho bà T tiếp tục sử dụng và có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác là bà Mai Thị A, bà Mai Thị D mỗi người số tiền là mỗi người số tiền 20.228.571đ (hai mươi triệu hai trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một đồng); ông Mai S số tiền 10.114.285đ (mười triệu một trăm mười bốn nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng).

Công nhận cho bà Mai Thị T được quyền sử dụng diện tích 57m² đất được các đồng thừa kế của cụ L nhất trí tặng cho thuộc thửa số 147, tờ bản đồ số 12 tại xóm 6, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 31/12/1998 (Số sổ 427694) đứng tên hộ ông Mai Viết L);

- Về đất hai lúa các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nhất trí tự nguyện cho ông Mai Văn T và ông Mai S mỗi người được quyền sử dụng 323,5m² diện tích đất hai lúa tại thửa 3/2,tờ bản đồ số 4 diện tích 647m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 224663 do Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 11/11/2016 mang tên hộ Cụ Vũ Thị S nên cần ghi nhận.

- Về án phí và chi phí tố tụng và các vấn đề khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là Cụ Vũ Thị S, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Mai S, bà Mai Thị D1 vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng; bà Mai Thị D, bà Mai Thị A đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng và chia thừa kế tài sản, tài sản có địa chỉ tại xóm 6, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Do vậy theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[3] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản và chia tài sản chung theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về thẩm định và định giá tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tiến hành thẩm định, định giá, kết quả như sau:

Tài sản là giá trị quyền sử dụng đất:

- Kết quả đo đạc thẩm định: Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12 có diện tích 293m²;

- Hiện trạng sử dụng: Hiện nay hiện trạng sử dụng không còn giống với sơ đồ địa chính để phân biệt các loại đất, cụ S và bà T đã san lấp và xây dựng các công trình trên đất. Trên thửa đất có 01 nhà mái ngói kèo gỗ, xà gồ tre luống diện tích 46,1m² nằm về phía đông thổ đất của Cụ Vũ Thị S, hiện cụ S đang quản lý sử dụng; 01 nhà mái ngói kèo gỗ, xà gồ tre, diện tích 50m² do bà Mai Thị T làm nằm ở phía tây thổ đất; phía trước và hông phía đông nhà bà T có lán lợp tôn lạnh chống nóng, phía trước lán trước nhà là sân bê tông giáp mương; không còn diện tích đất ao.

Đất nông nghiệp ông S và ông T đã quật lập thành đất cao và đang trồng cây sanh.

- Kết quả định giá:

+ Hội đồng định giá đã định giá, giá đất của thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12 diện tích 293m² có giá là 1.200.000đ/m² (một triệu hai trăm nghìn đồng một mét vuông);

+ Giá đất nông nghiệp (hai lúa) có giá là 55.000đ/m² (năm mươi năm nghìn đồng một mét vuông);

+ Công trình do Cụ Vũ Thị S sửa chữa xây dựng, giá trị là 28.461.000đồng;

+ Công trình do bà Mai Thị T xây dựng: nhà có giá trị là 100.520.000đồng; lán lợp tôn lạnh trước và hông nhà là 7.020.000đồng; sân bê tông trước nhà 4.241.000đồng. Tổng giá trị nhà và công trình trên đất của bà T là 111.781.000đồng.

[5] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn Cụ Vũ Thị S yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật với lý do: Tài sản chung của cụ S và cụ L tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân chưa chia, cụ L chết đi không để lại di chúc. Nhưng hàng thừa kế thứ nhất của cụ L không thông nhất được việc chia di sản thừa kế của cụ L, một số người không có ý kiến gì.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung :

Tài sản là diện tích đất 705m² tại thửa số 147, tờ bản đồ số 12 (trong đó: đất ở là 290m², đất vườn tạp 250m², đất ao nuôi cá là 165m²) tại xóm 6, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định và thửa đất hai lúa số 3/2, tờ bản đồ số 4 diện tích 647m². Cả hai thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa số 147 cấp ngày 31/12/1998 mang tên hộ ông Mai Viết L, thửa đất hai lúa cấp ngày 11/11/2016 mang tên hộ bà Vũ Thị Sen.

Năm 2010, vợ chồng cụ L và cụ S đã tặng cho các con gồm: bà Mai Thị D và bà Mai Thị A diện tích là 262m² (gồm: đất vườn 45m², đất hai lúa 217m²); ông Mai Vũ T diện tích là 177m² (gồm: đất ở 30m², đất vườn 104m², đất hai lúa 43m²); ông Mai S diện tích là 233m² (gồm: đất ở 103m², đất vườn 50m², đất ao 80m²) đều đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất còn lại của cụ L và cụ S là 293m² (gồm: đất ở 157m², đất vườn 51m², đất ao 85m²).

Các đương sự đều thừa nhận và trình bày năm 2019 cụ S và toàn bộ các con của cụ L đã nhất trí thống nhất và lập biên bản cho bà Mai Thị T được quyền sử dụng 02m đất chiều rộng thổ đất và chiều dài hết thổ có diện tích 57m² tại thửa số 147, tờ bản đồ số 12 đứng tên hộ cụ Mai Viết L và bà T đã xây dựng các công trình kiên cố trên đất. Quá trình giải quyết vụ án cụ S, ông T, ông S, bà D1, bà T đều công nhận, bà A, bà D không có ý kiến phản đối. Do đó cần công nhận cho bà Mai Thị T được quyền sử dụng 57m² đất được các đồng thừa kế của cụ L nhất trí tặng cho vào năm 2019 thuộc thửa số 147, tờ bản đồ số 12 tại xóm 6, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 31/12/1998 (Số sổ 427694) đứng tên hộ ông Mai Viết L là có cơ sở.

Như vậy thửa số 147, tờ bản đồ số 12 hiện nay chỉ còn diện tích là 236m² là tài sản chung của cụ L và cụ S. Nay Cụ Vũ Thị S yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế tài sản của cụ L đối với diện tích 236m² đất tại thửa số 147, tờ bản đồ số 12 mang tên hộ ông Mai Viết L.

Dựa vào hộ khẩu năm 1998 lời khai của các đương sự thì các con của cụ S và cụ L đều đã lập gia đình và ra ở riêng, không có đóng góp gì trong khối tài sản chung của cụ S và cụ L mà cụ S yêu cầu chia tài sản chung với cụ L. Nên xác định quyền sử dụng đất 236m² đất còn lại tại thửa số 147, tờ bản đồ số 12 mang tên hộ cụ Mai Viết L thuộc quyền sử dụng của cụ S và cụ L. Tài sản này chưa chia và có giá trị là 283.200.000đồng, cần chia đều cho cụ S và cụ L.

Do đó cụ S yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của cụ S và cụ L, mỗi người được hưởng diện tích 118m² trị giá 141.600.000đồng.

Đối với tài sản trên đất công trình do cụ L và cụ S xây dựng đã hết giá trị khấu hao, còn tài sản là các công trình còn lại là sau khi cụ L chết cụ S đã tôn tạo sửa chữa để sử dụng, cụ S có công trông nom, tôn tạo, sửa chữa cụ S không nhất trí chia tài sản thừa kế các công trình xây dựng trên đất nên xác định là của cụ S không đưa vào chia là phù hợp pháp luật.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế tài sản của cụ Mai Viết L:

Về diện và hàng thừa kế: cụ Mai Viết L có vợ và 06 người con đều hiện còn sống nên căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 những người này đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất là Cụ Vũ Thị S, bà Mai Thị D1, bà Mai Thị T, bà Mai Thị A, bà Mai Thị D, ông Mai S và ông Mai Vũ T. Hai cụ không có con riêng và con nuôi; bố mẹ đẻ của hai cụ đều đã chết trước hai cụ, khi chết cụ L không để lại di chúc do đó di sản thừa kế của cụ L sẽ được chia đều cho 7 suất thừa kế theo pháp luật.

Về di sản thừa kế:

Căn cứ vào Điều 33, Điều 66 của Luật Hôn nhân gia đình, Cụ Vũ Thị S được hưởng $\frac{1}{2}$ diện tích đất là $118m^2$ tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12. Xác định phần diện tích đất còn lại $118m^2$ là di sản thừa kế của cụ Mai Viết L.

Về chia thừa kế tài sản: Diện tích đất của cụ Mai Viết L được hưởng trong khối tài sản chung là $118m^2$. Đây là tài sản thừa kế được chia đều làm 7 phần bằng nhau cho cụ S, ông T, ông S, bà D, bà A, bà T và bà D1. Mỗi người được hưởng diện tích đất là $16.857m^2$ trị giá 20.228.571đ (hai mươi triệu hai trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một đồng);

Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất thực tế hiện nay, vào kỹ phần mỗi suất thừa kế được chia, vào diện tích đất quy định của pháp luật khi tách chia đất thì kỹ phần hưởng thừa kế của mỗi suất không đảm bảo diện tích theo quy định của pháp luật. Hiện nay cụ S và bà T đang sử dụng và xây dựng một số công trình trên đất nên cần chia đất cho Cụ Vũ Thị S và bà Mai Thị T được quyền sử dụng, bà T được quyền sử dụng phần đất đã xây dựng các công trình trên đất, cụ S và bà T có nghĩa vụ thanh toán trích chia kỹ phần di sản thừa kế của cụ L để lại cho hàng thừa kế thứ nhất bằng giá trị tiền là phù hợp.

Cụ thể:

- Chia Cụ Vũ Thị S được quyền sử dụng $59m^2$ đất vượt quá kỹ phần được hưởng thừa kế $42,143m^2$ đất nên chia cho cụ S tiếp tục sử dụng và có trách nhiệm trích chia tài sản thừa kế cho các đồng thừa kế theo kỹ phần được hưởng bằng giá trị tiền của $42,143m^2$ đất trị giá 50.571.600đ cụ thể trả cho: bà Mai Thị

D1 và ông Mai Vũ T mỗi người số tiền là mỗi người số tiền 20.228.571đ (hai mươi triệu hai trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một đồng); ông Mai S số tiền 10.114.285đ (mười triệu một trăm mười bốn nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng).

Tổng diện tích đất Cụ Vũ Thị S được quyền sử dụng là 177m² tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12 xã H.L đứng tên hộ cụ Mai Viết L.

- Bà Mai Thị T đang quản lý sử dụng và xây dựng nhà kiên cố trên phần diện tích đất 59m² tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12 xã H.L đứng tên hộ cụ Mai Viết L vượt quá kỷ phần được hưởng thừa kế là 42,143m² nên chia cho bà T tiếp tục sử dụng và có trách nhiệm trích chia tài sản thừa kế cho các đồng thừa kế theo kỷ phần được hưởng bằng giá trị tiền của 42,143m² đất trị giá 50.571.600đ cụ thể trả cho: bà Mai Thị A, bà Mai Thị D mỗi người số tiền là mỗi người số tiền 20.228.571đ (hai mươi triệu hai trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một đồng); ông Mai S số tiền 10.114.285đ (mười triệu một trăm mười bốn nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng).

- Về đất hai lúa: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nhất trí tự nguyện tặng cho ông Mai Văn T và ông Mai S mỗi người được quyền sử dụng 323,5m² diện tích đất hai lúa tại thửa 3/2, tờ bản đồ số 4 diện tích 647m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 224663 do Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 11/11/2016 mang tên hộ Cụ Vũ Thị S tại vị trí đất ông T và ông S đang sử dụng. Xét thấy các đương sự đều có ý kiến ghi nhận và không phản đối, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về án phí: Các đương sự đều được chia di sản thừa kế nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia. Tuy nhiên cụ S, bà D1, bà A đều là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí. Bà D (sinh ngày 19/12/1963), bà T, ông S, ông T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc thẩm định và định giá tài sản, ông Mai Vũ T đã nộp đủ và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a,c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 213; Điều 219; Điều 500, Điều 612, Điều 613, Điều 617, Điều 618; Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 33, Điều 66 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cụ Vũ Thị S về việc chia tài sản chung vợ chồng và chia di sản thừa kế.

2. Chia cho Cụ Vũ Thị S được quyền sử dụng phần đất (S2) có diện tích 177m² cụ thể: trong đó có 118m² đất chia tài sản chung và 59m² đất chia thừa kế tài sản (trong đó: ONT 106m², NTS 49m², CLN 22m²) thuộc thửa số 147, tờ bản đồ số 12 tại xóm 6, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định được giới hạn bởi các điểm (2,3,8,9,2). Thửa đất đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 31-12-1998 (số O427694) mang tên hộ ông Mai Viết L. Cụ S được quyền sở hữu nhà ở, các công trình xây dựng và tài sản khác trên phần đất được quyền sử dụng.

Cụ Vũ Thị S có nghĩa vụ trích chia di sản thừa kế (thừa so với kỹ phần hưởng) bằng giá trị tiền trả cho: bà Mai Thị D1, ông Mai Vũ T mỗi người số tiền 20.228.571đ (hai mươi triệu hai trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một đồng); ông Mai S số tiền 10.114.285đ (mười triệu một trăm mười bốn nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng).

(Vị trí, chiều cạnh quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cụ S được quyền sử dụng có sơ đồ vẽ kèm theo).

3. Chia cho bà Mai Thị T được quyền sử dụng phần đất (S1) có diện tích 116m² cụ thể: 59m² đất chia thừa kế tài sản và 57m² đất được các đồng thừa kế khác tặng cho năm 2019,(trong đó: ONT 51m²; NTS 36m²; CLN 29m²) thuộc thửa số 147, tờ bản đồ số 12 tại xóm 6, xã H.L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, được giới hạn bởi các điểm (1,2,9,10,1). Thửa đất đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 31-12-1998 (số sổ 427694) mang tên hộ ông Mai Viết L. Bà T được quyền sở hữu nhà ở, các công trình xây dựng và tài sản khác trên diện tích đất mình được quyền sử dụng.

Bà Mai Thị T có nghĩa vụ trích chia di sản thừa kế bằng giá trị tiền theo kỹ phần được hưởng trả cho: bà Mai Thị A, Bà Mai Thị D mỗi người số tiền là 20.228.571đ (hai mươi triệu hai trăm hai mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi một đồng); ông Mai S số tiền 10.114.285đ (mười triệu một trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng).

(Vị trí, chiều cạnh quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có sơ đồ vẽ kèm theo).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu Tòa án

giải quyết chia thừa kế đất hai lúa, đề nghị Tòa án công nhận cho ông Mai Vũ T, ông Mai S mỗi người được quyền sử dụng diện tích 323,5m² đất hai lúa tại thửa 3/2, tờ bản đồ số 4 diện tích 647m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 224663 do Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 11/11/2016 mang tên hộ Cụ Vũ Thị S.

+ Vị trí tứ cạnh diện tích đất ông Mai Vũ T được sử dụng như sau: cạnh phía bắc dài 50,3m giáp đất ruộng ông Mai S được chia; cạnh phía nam dài 50,5m giáp đất ruộng ông Phúc ; cạnh phía đông dài 6,45m giáp đường 50; cạnh phía tây dài 6,2m giáp đường.

+ Vị trí tứ cạnh diện tích đất ông Mai S được sử dụng như sau: cạnh phía bắc dài 50,3m giáp đất ruộng ông Ngân; cạnh phía nam dài 50,3m giáp đất ruộng ông Mai Vũ T được chia; cạnh phía đông dài 6,45m giáp đường 50; cạnh phía tây dài 6,2m giáp đường.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Cụ Vũ Thị S, bà Mai Thị D1, bà Mai Thị A vì là người cao tuổi.

Ông Mai Vũ T, bà Mai Thị D, ông Mai S, bà Mai Thị T mỗi người phải nộp 1.011.429đ (Một triệu không trăm mười một nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng) án phí chia thừa kế tài sản.

Bà Mai Thị T phải nộp án phí 300.000đồng tiền án phí công nhận quyền sử dụng đất được tặng cho theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

6. Về quyền kháng cáo: Cụ Vũ Thị S, bà Mai Thị D1, bà Mai Thị T, ông Mai Vũ T, ông Mai S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ

ngày tuyên án. Bà Mai Thị D, bà Mai Thị A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H.L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng